

1775

C.MÁC VÀ PH.ĂNG-GHEN

TOÀN TẬP
TẬP 14

(THÁNG BẢY 1857 - THÁNG MUỖI MỘT 1860)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

V-T0 / 1951

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
SỰ THẬT
HÀ NỘI - 1994

MỤC LỤC*

Lời nhà xuất bản	7
PH. ĂNG-GHEN. Quân đội (Army).....	11
PH. ĂNG-GHEN. Sứ quan tùy tùng (Adjutant)	70
PH. ĂNG-GHEN. An-bu-ê-ra (Albuera).....	72
PH. ĂNG-GHEN. An-ma (Alma).....	74
PH. ĂNG-GHEN. Ác-kê-bút (Arquebuse).....	78
PH. ĂNG-GHEN. Ê-ri (Airey).....	81
PH. ĂNG-GHEN. A-xpéc-nô (Aspern).....	83
PH. ĂNG-GHEN. Tấn công (Attack).....	89
PH. ĂNG-GHEN. Ấp-ga-ni-xtan (Afganistan).....	96
PH. ĂNG-GHEN. Vật chướng ngại (Abatis).....	109
PH. ĂNG-GHEN. Phương pháp bố trí pháo trên nền cao (Barbette).....	110
PH. ĂNG-GHEN. Pháo đài (Bastion).....	112
PH. ĂNG-GHEN. Lưỡi lê (Bayonet).....	115
C.MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Béc-clai-đơ-Tô-li (Barklay De Tolly).....	117
C.MÁC. Béc-ti-ê (Berthier).....	120
PH. ĂNG-GHEN. An-giê-ri (Algeria).....	125
PH. ĂNG-GHEN. Dạn dược (Ammunition).....	137

* Trong ngoặc là đầu đề viết theo tiếng nguyên bản được công bố trên tờ "New American Cyclopaedia".

C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Ben-nich-xen (Bennigsen)...	139
C. MÁC. Bli-um (Blum).....	144
C. MÁC. Buốc-ri-en-nô (Bourrienne).....	148
PH. ĂNG-GHEN. Giáp chiến (Battle).....	150
PH. ĂNG-GHEN. Khẩu đội (Battery).....	155
PH. ĂNG-GHEN. Dồng quân ngoài trời (Bivouac).....	158
PH. ĂNG-GHEN. Tấm che (Blindage).....	160
PH. ĂNG-GHEN. Bô-nét (Bonnet).....	162
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Bem (Bem).....	164
C. MÁC. Bét-xi-e-rô (Bessieres).....	170
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Bô-xê (Boquet).....	172
C. MÁC. Bruyn (Brune).....	174
PH. ĂNG-GHEN. Dạn trái phá (Bomb).....	178
PH. ĂNG-GHEN. Pháo thủ (Bombardier).....	181
PH. ĂNG-GHEN. Pháo kích (Bombardment).....	182
PH. ĂNG-GHEN. Pháo thuyền (Bomb-ketch).....	184
PH. ĂNG-GHEN. Pháo hạm (Bomb-Vessel).....	185
PH. ĂNG-GHEN. Công sự chống đạn trái phá (Bomb-Proof).....	186
PH. ĂNG-GHEN. Cầu quân sự (Bridge Military).....	188
C. MÁC. Béc-na-đốt-tô (Bernadotte).....	194
C. MÁC. Ác-ma-đa (Armada).....	208
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. A-i-a-cu-sô (Ayacucho).....	213
C. MÁC và PH. ĂNG-GHEN. Bluy-khơ (Blücher).....	216
PH. ĂNG-GHEN. Pháo binh (Artillery).....	238
C. MÁC. Buy-giô (Bugeaud).....	271
C. MÁC. Bô-li-và-rô-i-Pôn-tê (Bolivar y Ponte).....	275
PH. ĂNG-GHEN. Chiến dịch (Campaign).....	295
PH. ĂNG-GHEN. Đại úy (Captain).....	297
PH. ĂNG-GHEN. Các-bin (Carabine).....	299
PH. ĂNG-GHEN. Pháo Ca-rông (Carronade).....	301

PH. ĂNG-GHEN. Đan rĩa (Case shot)...	303
PH. ĂNG-GHEN. Dạn chấy (Carcass)...	306
PH. ĂNG-GHEN. Ống thuốc súng (Cartridge)...	308
PH. ĂNG-GHEN. Béc-mơ (Berme)...	310
PH. ĂNG-GHEN. Blen-hai-mơ (Blenheim)...	311
PH. ĂNG-GHEN. Bô-rô-di-nô (Borodino)...	314
PH. ĂNG-GHEN. Bi-đa-xô-a (Bidassoa)...	321
PH. ĂNG-GHEN. Bu-đa (Buda)...	326
PH. ĂNG-GHEN. Công sự đầu cầu (Bridge-head)...	331
PH. ĂNG-GHEN. Máy phóng (Catapult)...	333
PH. ĂNG-GHEN. Trại dã chiến (Camp)...	334
PH. ĂNG-GHEN. Cu-khoố-c-nơ (Cochoon)...	338
PH. ĂNG-GHEN. Bre-si-a (Brescia)...	341
PH. ĂNG-GHEN. Miến Điện (Burman)...	345
PH. ĂNG-GHEN. Bô-mác-xun-đơ (Bomarsund)...	355
C. MÁC VÀ PH. ĂNG-GHEN. Bê-re-xphốt (Beres-ford)...	356
PH. ĂNG-GHEN. Kỳ binh (Cavalry)...	359
PH. ĂNG-GHEN. Xây công sự (Fortification)...	398
I. Công sự lâu dài...	398
II. Vây đánh...	425
III. Xây công sự dã chiến...	428
PH. ĂNG-GHEN. Bộ binh (Infantry)...	431
I. Bộ binh Hy Lạp...	431
II. Bộ binh La Mã...	437
III. Bộ binh thời Trung cổ...	442
IV. Sự phục hưng của bộ binh...	446
V. Bộ binh thế kỷ XVI và XVII...	449
VI. Bộ binh thế kỷ XVIII...	455
VII. Bộ binh trong thời kỳ cách mạng Pháp và trong thế kỷ XIX...	460
PH. ĂNG-GHEN. Hải quân (Navy)...	466
C. MÁC. "Ngài Phô-giơ"	483

Lời nói đầu	487
I. Bảng nhóm lưu hoàng	490
II. Những người thợ làm bàn chải	503
III. Hành động kiểu cảnh sát	516
1. Sự tự thú	517
2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh	519
3. Séc-van	526
4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên	538
5. Ngày lễ chính của các hội giáo dục công nhân Đức ở Lô-dan	543
6. Những vấn đề khác	549
IV. Thư của Tê-khốp	553
V. Nhiếp chính đế quốc và bá tước Pphan-xơ	585
VI. Phô-gơ và "Neue Rheinische Zeitung"	588
VII. Chiến dịch Au-xbuốc	599
VIII. Ông Phô-gơ Đa-Đa và những nghiên cứu của ông ta	627
IX. Cơ quan đại diện	697
X. Những kẻ bảo trợ và những tông phạm	737
XI. Một vụ án	799
XII. Phụ lục	848
1. Việc trục xuất Si-li khỏi Thụy Sĩ	848
2. Đại hội cách mạng ở Muốc-tanh	857
3. Séc-van	858
4. Vụ án những người cộng sản ở Khuên	859
5. Vụ không	869
6. Chiến tranh giữa chuột và ếch	871
7. Luận chiến chống Pan-mốc-xơn	874
8. Tuyên bố của ông A.Séc-tơ	875
9. Bài của Blin-đơ trong tờ "Free Press"	877
10. Thư của ngài Ốc-ghét	878
11. Thông tri chống C. Blin-đơ	879
12. Affidavit của Phuê-ghe-lơ	880
13. Affidavit của Vi-ê	881
14. Trích các văn kiện tố tụng	